

HAI ĐỊA DANH ĐÔNG THÁI VÀ YÊN HỒ TRONG TỤC NGỮ “TRAI ĐÔNG THÁI GÁI YÊN HỒ” CỦA PHƯƠNG NGỮ NGHỆ TĨNH

NCS. Nguyễn Văn Loan *

1. Thành ngữ (Idiomatic, expression) và tục ngữ (Saying) là đơn vị được quan tâm, nghiên cứu trong ngôn ngữ học, văn hoá học, văn hoá dân gian. Đến nay, sự phân biệt giữa hai đơn vị này hiện đang phức tạp và nhiều tác giả đã nêu ra hàng loạt tiêu chí khác nhau. Dẫu bằng cách nào, cũng gặp nhau ở chỗ: Thành ngữ là đơn vị tương đương với từ và tục ngữ là câu, tương đương với câu. Xét về phía ngôn ngữ học, Hoàng Văn Hành phải được kể như người có công trong việc phân định ranh giới của hai đơn vị này và đặc biệt đã chỉ ra những đặc trưng của thành ngữ tiếng Việt. Địa danh là đơn vị tương đương với từ, địa danh là từ. Địa danh không chỉ tồn tại trong khẩu ngữ mà còn tồn tại trên các văn bản khác nhau. Mỗi địa danh như tấm bia hoá thạch ghi lại những biến cố lịch sử, dấu ấn văn hoá của dân tộc, khu vực khác nhau. Bóc từng lớp địa danh chúng ta sẽ hiểu chiều dài sâu thẳm với nhiều thông tin khác nhau. Các địa danh tại khu vực Nghệ Tĩnh là như thế. Qua khảo sát của chúng tôi, qua cuốn *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh* do Nguyễn Nhã Bản chủ biên thì các địa danh hầu hết tồn tại trong tục ngữ còn thành ngữ hầu như không có, chỉ tồn tại một địa danh trong thành ngữ so sánh: “*Lao xao như chợ Chèo mát mấn*”. Lý do tại sao thì chắc hẳn ai cũng hiểu. Ngay trong tiếng Việt cũng tồn tại thừa thớt “*Sư tử Hà Đông / Vắng như chùa bà Đanh*”. Trong từ điển vừa nêu có lẽ tục ngữ dài nhất (36 âm tiết) bao chứa hàng loạt địa danh: “*Lắm ló Xuân Viên, lắm tiền Hội Thắm, lắm nóng (Nóng) Do Nha, lắm cà Lộc Châu, Lắm dâu Cẩm Mỹ, Lắm bí Kẻ Căng, lắm măng Kẻ Cừa, lắm bừa Trung Sơn, lắm con Yên Xứ*.” Xuống dưới, chúng tôi xin trình bày hai địa danh Đông Thái và Yên Hồ trong câu tục ngữ “*Trai Đông Thái gái Yên Hồ*”.

2. Cấu trúc của tục ngữ “*Trai Đông Thái gái Yên Hồ*” tương đương với tục ngữ “*Trai Cát Ngạn gái Đô Lương, Trai Đông Phái gái Phụng Lịch*” ở phương ngữ Nghệ Tĩnh. Nhưng nghĩa thì khác nhau: Nghĩa của tục ngữ: “*Trai Đông Thái gái Yên Hồ*” giống với “*Trai Đông Phái gái Phụng Lịch*” và ngược với “*Trai Cát Ngạn gái Đô Lương*”.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi không đề cập đến hai tục ngữ vừa nói mà cố gắng chỉ ra nội dung của tục ngữ “*Trai Đông Thái gái Yên Hồ*”. Nghĩa biểu trưng của tục ngữ này do hai địa danh nêu ra là: Trai tài gái sắc, trai thanh gái lịch và với sự bất vần rất chuẩn xác: *Thái, gái* của kiến trúc tục ngữ. Hai địa danh này đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh ngày nay. Trên thực tế, Nghệ An và Hà Tĩnh là một vùng văn hoá từ khe Nước Lạnh đến Đèo Ngang, dẫu cho xét về mặt hành chính có lúc nhập, lúc phân. Vùng đất Nghệ Tĩnh hay xứ

* Đại học Đồng Tháp.

Nghệ là vùng đất phía Nam của nước Văn Lang và Âu Lạc ngày xưa. Vào năm Thông Thụy thứ ba (1036), Lý Thái Tông đổi Hoan Châu thành Nghệ An và địa danh Nghệ An ra đời từ đó. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), nhà Nguyễn cắt hai phủ Đức Thọ (trước năm 1822 là phủ Đức Quang) và Hà Hoa của Nghệ An lập thành tỉnh mới là Hà Tĩnh. Hà Tĩnh mang tên từ đó.

2.1. Qua tư liệu điền dã và theo Bùi Thiết: “Đông Thái (Thôn cũ), trước năm 1945 thuộc tổng Việt Yên nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, Thôn Đông Thái có từ giữa thế kỷ XIX (tr.193). Làng Đông Thái thuộc xã Tùng Ảnh với nghĩa Hán Việt là bóng thông. Theo Phan Văn Các, Tùng Ảnh ngày xưa vốn là tên một làng thuộc xã Quyết Việt đầu thời Lê, làng ở dưới chân Tùng Lĩnh (tên một đồi thông, còn gọi là Tùng Sơn) soi mình xuống sông La ở bên Tam Soa nơi hợp lưu của Ngàn Sâu và Ngàn Phố. Đến khoảng thế kỷ XVII, Quyết Việt đổi tên thành xã Việt Yên Hạ, một trong 19 xã của Việt Yên. Sau Cách mạng Tháng tám, làng Tùng Ảnh cùng với các làng Trinh Nguyên, Đông Thái, Yên Hội, Yên Nội hợp thành xã Châu Phong. Mấy năm sau thay đổi Châu Phong thành Đức Phong và Đức Sơn thành Tùng Ảnh. Đây là khu vực có sông núi, đền chùa, giao thông thuận lợi, phong cảnh hữu tình. Theo Phan Văn Các: “Khoảng cuối Trần đầu Lê (cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV) nơi đây đã có dân cư. Thủy Tổ họ Phan Tùng Mai, ông Phan Hách (1254 - ?) sống thời Trần, được phong là Trần triều vương phó sứ, hiện vẫn còn mộ ở đây. Cũng tại đây còn giữ được mộ tổ của một số dòng họ khác. Các ông Phan Đán, Lê Bôi, Nguyễn Lộng, Bùi Bị,... là tướng lĩnh của khởi nghĩa Lam Sơn, có công lớn nên được vua Lê cấp đất phong thưởng. Nhà thờ Lê Bôi còn giữ được trên đồi Mỏ Côi thuộc xã Trà Sơn. Một số dòng họ đến muộn hơn như họ Trần cũng lập nghiệp ở đây từ đầu thế kỷ XVI (Trần Văn Phái - 1532). Không phải ngẫu nhiên mà làng Tùng Ảnh thờ Đinh Lễ làm thành hoàng và làng Đông Thái thờ Đinh Liệt - hai anh em là hai võ tướng hiển hách của Lê Lợi...” (tr.3). Điều đáng lưu ý và đặc biệt nhắc tới Đông Thái nói riêng và Tùng Ảnh nói chung là về sự học hành đỗ đạt. Tại đây có nhiều dòng họ có nhiều người đỗ đạt. Ví dụ họ *Phan* có tiến sỹ Phan Phúc Cẩn nổi tiếng thần đồng, tiến sỹ Phan Dư Khánh, tiến sỹ Phan Như Khúc, tiến sỹ Phan Khiêm Thụ, tiến sỹ Phan Bá Đạt, tiến sỹ Phan Huy Quốc,... Họ *Phan Đình* ở Đông Thái gốc Hưng Yên có phó bản Phan Văn Nhã, Phan Đình Tuyển, tiến sỹ Phan Du, tiến sỹ Phan Đình Phùng (1844 – 1895),... Rồi các họ như *Phan Trọng*, *Phan Quang*, họ *Bùi*,... và sau này có tổng bí thư đầu tiên Trần Phú. Có lẽ nghĩa của “Trai Đông Thái gái Yên Hồ” là như thế.

2.2. Yên Hồ bao gồm hai thôn: Nội Diên và Yên Phúc song song với tên Nôm là Kẽ Hồ, Kẽ Dứa. Hai thôn Nội Diên và Yên Phúc thuộc tổng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Quang sau đổi là Đức Thọ. “Trước năm 1945 thuộc tổng Yên Hồ, nay thuộc xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ. Vốn là Bà Hồ thời Trần, Bình Hồ thời Lê, có thể đời Tây Sơn đổi thành Yên Hồ. Xã Yên Hồ có từ trước thế kỷ XIX. Đầu thế kỷ XX là hai xã Nội Diên và Yên Phúc, tổng Yên Hồ, sau năm 1945 lập lại xã Yên Hồ gồm hai thôn Yên Phúc và Nội Diên, sau năm 1954 là hai xã Đức Diên và Đức Phúc, nay là xã Yên Hồ” (Bùi Thiết, trang 833). Mảnh đất Yên Hồ ở vào cuối phía đồng bằng hữu ngạn sông La Giang vào đầu xã là sông La rẽ trái hoà vào Lam. Yên Hồ ở chính ngã ba sông Minh do phù sa sông La, sông Minh bồi đắp. Chính trong *Về xã Yên Hồ* đã phản ánh:

Quanh năm chim rừng thánh thót

Rủ bạn quyến bầy

Rừng nở thiếu chi cây...

(Dẫn theo Lê Trần Sứ, tr.54)

Theo Lê Trần Sứ: Tương truyền, theo một thầy địa lý Trung Hoa thì Yên Hồ có thể có chim Phượng, đất “điều linh” hai thôn Nội Diên, Yên Phúc là hai cánh chim, đầu mỏ chim Phượng là Côn Tiêu (Xóm Thổ Đông), đang chúi xuống uống nước sông Minh - Đất này là thế đất “anh hoa chi hội sinh anh hiền”.

Đất linh sinh nhân kiệt, việc đó đúng không phải bàn cãi, trong 10 thế kỷ khoa cử các triều đại phong kiến Việt Nam, Hà Tĩnh có 148 vị đại khoa thì Yên Hồ có đến 8 vị. Ngoài hai trạng nguyên họ Đào, họ Đoàn nói trên, đời Trần có Thái học sinh Nguyễn Biểu, đời Lê Hồng Đức có Nguyễn Phong (1484 cháu Nguyễn Biểu), Phạm Nại, Nguyễn Tắc Trung (1472), đời Lê trung hưng có Nguyễn Doãn Huy (1584), Lê Đắc Toàn (1621). Sang thời Tây học có Hoàng Xuân Hãn, Hoàng Xuân Mãn, Hoàng Xuân Nhị, Võ Quý là những học giả tiếng tăm trong và ngoài nước.

Điều cần quan tâm và đáng nói ở đây là “*gái sắc*”. Phụ nữ Yên Hồ đảm đương mọi việc trong gia đình. Ngoài việc đồng áng, người phụ nữ nơi này có nghề dệt vải nổi tiếng. Quanh năm, vải vóc Yên Hồ được chuộng ở các khu vực, các chợ trong ngoài. Được tắm mình trong dòng nước trong xanh và quanh năm bên khung vải, gái Yên Hồ đẹp nổi tiếng cũng phải có lý do của nó. Có văn bản ca dao đã phản ánh rõ điều này:

Muốn ăn cơm nếp độ chà

Muốn coi gái đẹp thì ra Yên Hồ

(Dẫn theo Lê Trần Sứ, tr.62)

Nhưng vẻ đẹp của con gái Yên Hồ không chỉ là vẻ đẹp ngoại hình mà còn là vẻ đẹp về nhân cách, vẻ đẹp tâm hồn. Trai Yên Hồ số đông là làm nghề rèn, quanh năm đi làm ăn xứ người, gái Yên Hồ ở nhà lo toan gánh vác mọi việc từ việc nhà cho đến việc làng thay chồng. Chồng đi làm ăn quanh năm nhưng các cô gái Yên Hồ vẫn một lòng chung thủy, rất ít trường hợp lẳng lơ trai gái. Những tấm gương về phụ nữ, con gái Yên Hồ tiết nghĩa hết lòng với chồng với con “xưa thì có chuyện vợ Lê Đức Toàn (thế kỷ XVII) nuôi chồng ăn học đậu tiến sĩ. Nay có chuyện cụ bà thân mẫu của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nuôi ba con Hãn, Mãn, Hà theo học thành tài, làm nên sự nghiệp vẻ vang cho đất nước” (Dẫn theo Lê Đình Sứ trong làng cổ Hà Tĩnh).

Việc nghiên cứu địa danh đã có từ rất lâu trên thế giới. Ở Việt Nam, các tác giả Hoàng Thị Châu, Lê Trung Hoa, Nguyễn Kiên Trường, Từ Thu Mai, Trần Văn Dũng, Nguyễn Văn Âu, Đinh Xuân Vịnh, Phan Xuân Đạm,... đã tiếp cận địa danh từ những góc độ khác nhau. Ở bài viết này, chúng tôi chỉ tiếp cận địa danh ở một góc nhìn rất hẹp đó là hai địa danh làng của huyện Đức Thọ - Hà Tĩnh, dù vậy chúng tôi vẫn hy vọng bài viết sẽ làm sống dậy một phần nhỏ những trầm tích văn hoá của một vùng đất được xem là “địa linh nhân kiệt”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Anh, “Cẩn thận hơn trong việc viết tên các địa danh của nước ta”, tạp chí ngôn ngữ số 10, trang 78 – 80, 2000.
2. Toan Anh, *Làng xóm Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
3. Nguyễn Văn Âu, *Địa danh Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1993.
4. Nguyễn Nhã Bản, Trịnh Như Thuỳ, “Về địa danh Hội An”, tạp chí *Ngôn ngữ*, số 6, tr.11-17, 1999.
5. Nguyễn Nhã Bản (Chủ biên), *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2006.
6. Phan Văn Các, “Tùng Ảnh một địa chỉ văn hoá” in trong *Tham luận hội thảo khoa học làng Tùng Ảnh danh nhân và những dòng họ tiêu biểu* tại Đức Thọ - Hà Tĩnh, 2010.
7. Phan Xuân Đạm, Nguyễn Nhã Bản (2009), *Tiếng Việt trong lòng đất và trên mặt đất*, NXB Nghệ An.
8. Lê Trần Sửu, “Xã Yên Hồ”, in trong *Làng cổ Hà Tĩnh*, Sở VH TT Hà Tĩnh - Hội VHNT Hà Tĩnh (Thái Kim Đỉnh chủ biên), 2000.
9. Bùi Thiết, *Từ điển Hà Tĩnh*, Sở VH TT Hà Tĩnh, 2000.